

Bản án số: 62/2024/LĐ-PT
Ngày: 22 – 5 - 2024
V/v “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Nguyễn Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Kim Sen – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 100/2023/TLPT-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 40/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2225/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Nguyễn Diễm T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **9 L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1988. Địa chỉ liên hệ: **Lầu D - Số E N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021) (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH P. Trụ sở: 12C **ngõ A Q, Tổ B, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980.
Địa chỉ liên lạc: 38 P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo ủy quyền - Theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2024). (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Nguyễn Diễm T; Bị đơn Công ty TNHH P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021 của nguyên đơn bà Vũ Nguyễn Diễm T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị X trình bày:

Bà Vũ Nguyễn Diễm T và Công ty TNHH P (Gọi tắt là Công ty P) có ký Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 nội dung cụ thể như sau: Thời hạn hợp đồng là 2 năm kể từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2022, chức danh chuyên môn là Giám đốc chi nhánh khu vực M kiêm Giám đốc Kinh doanh và Tiếp thị. Căn cứ Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng lao động thì bà T sẽ nhận 2 mức lương: Mức lương cơ bản là 11.000.000 đồng, phụ cấp là 119.000.000 đồng, tổng lương thực nhận là 130.000.000 đồng. Bà T bắt đầu làm việc tại Công ty P từ ngày 25/5/2020, trong bảng chấm công gửi về Công ty cũng có ghi nhận tháng 5/2020 bà T có 6 ngày công, mỗi ngày công là 5.416.667 đồng, thực lãnh 32.500.000 đồng, tháng 6/2020 bà T có 24 ngày công, mỗi ngày công là 5.416.667 đồng, tổng thực lãnh là 130.000.000 đồng. Ngày 06/7/2020, bà T nhận được thông báo từ Công ty về việc điều chuyển bà T ra Hà Nội làm việc và thỏa thuận lại mức lương, trường hợp bà T không đồng ý ra Hà Nội làm việc thì bồi thường cho bà T số tiền 11.000.000 đồng. Bà T đồng ý chuyển ra Hà Nội làm việc và đề nghị Công ty giữ nguyên mức lương theo Hợp đồng lao động và phụ lục đã ký tuy nhiên ngày 24/7/2020, Công ty ra quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 01/7/2020 và chỉ thanh toán tiền lương tháng 5, 6/2020 cho bà T với số tiền là 13.750.000 đồng. Bà T liên hệ Công ty P nhiều lần để làm việc, yêu cầu trả tiền lương còn thiếu, yêu cầu bồi thường nhưng Công ty từ chối không làm việc.

Bà Vũ Nguyễn Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho bà Vũ Nguyễn Diễm T các khoản tiền sau đây:

- Tiền lương còn thiếu của tháng 5, 6/2020 là 148.750.000 đồng;
- Tiền lương trong những ngày không được làm việc 22 tháng (Từ 01/7/2020 đến 01/5/2022) theo hợp đồng lao động đã ký, số tiền là 2.860.000.000 đồng;
- Bồi thường 2 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, số tiền là 260.000.000 đồng;

- Yêu cầu Công ty P đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho bà T theo như hợp đồng đã ký từ ngày 25/05/2020 đến ngày 25/5/2022.

Việc Công ty P trình bày bà T có ký Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần T1 trong đó có điều khoản về việc sau khi bà T chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty T1 thì bà T không được ký Hợp đồng lao động với đối thủ cạnh tranh nhưng không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp. Nếu có sự việc đó xảy ra thì Công ty T1 và bà T sẽ tự giải quyết với nhau, hoàn toàn không liên quan đến Công ty P. Bà T không đồng ý với ý kiến trình bày của Công ty P và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH P có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Công ty P xác nhận giữa Công ty và bà Vũ Nguyễn Diễm T có ký Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 với các nội dung như sau: L cứng theo hợp đồng là 4.730.000 đồng, phụ cấp ăn trưa là 680.000 đồng, phụ cấp xăng là 1.000.000 đồng, phụ cấp điện thoại là 1.000.000 đồng phụ cấp trách nhiệm là 3.590.000 đồng. Tổng số tiền bà T thực nhận 1 tháng là 11.000.000 đồng. Do Công ty P không đủ tài chính để mở Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 01/7/2020, Công ty P đã ra thông báo về việc dừng hoạt động mở Chi nhánh và có thông báo cho bà T đề nghị điều chuyển bà T ra Hà Nội làm việc, nếu bà T không đồng ý thì hai bên chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn. Bà T yêu cầu điều chuyển bà T ra Hà Nội làm việc với mức lương 130.000.000 đồng/tháng, Công ty P không đồng ý và gửi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho bà T ngày 24/7/2020 với nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với bà T từ ngày 01/7/2020. Ngày 10/7/2020, Công ty P thanh toán tiền lương cho bà T tháng 5,6/2020 số tiền là 13.750.000 đồng. Sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động với bà T, Công ty P biết được trước khi ký Hợp đồng lao động với Công ty P thì bà T có ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần T1 trong đó có điều khoản về việc sau khi bà T chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty T1 thì bà T không được ký hợp đồng lao động với đối thủ cạnh tranh trong khi đó Công ty T1 và Công ty P là đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh trà sữa. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thi Công t POZAA không đồng ý và yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà T và Công ty P là vô hiệu. Khi chấm dứt hợp đồng lao động với bà T, Công ty P đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật lao động nên Công ty P không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bản án lao động sơ thẩm số 40/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 36, Điều 39, Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 357, Điều 403, Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Nguyễn Diễm T:

Xác định Công ty TNHH P đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Vũ Nguyễn Diễm T. Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 giữa bà Vũ Nguyễn Diễm T và Công ty TNHH P hết hiệu lực và chấm dứt vào ngày 25/5/2022.

Buộc Công ty TNHH P thanh toán các khoản tiền bồi thường cho bà Vũ Nguyễn Diễm T, cụ thể như sau:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc 22 tháng theo Hợp đồng lao động đã ký là 242.000.000 đồng.

- Bồi thường 2 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 22.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 264.000.000 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty TNHH P và bà Vũ Nguyễn Diễm T có trách nhiệm cùng nộp Bảo hiểm xã hội theo tỉ lệ của Luật Bảo hiểm xã hội quy định. Tiền lương để tính mức đóng tiền Bảo hiểm xã hội được áp dụng là mức tiền lương theo Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 giữa bà Vũ Nguyễn Diễm T và Công ty TNHH P. Thời gian tính nộp bảo hiểm xã hội từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2022. Bà T có trách nhiệm nộp lại sổ bảo hiểm xã hội của mình cho Cơ quan bảo hiểm để Công ty TNHH P thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà và chốt Sổ Bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định. Sau khi chốt Sổ Bảo hiểm xã hội bà T được trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội. Lãi suất chậm nộp Bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả tiền lương còn thiếu của tháng 5, 6/2020 là 148.750.000 đồng của nguyên đơn.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH P phải nộp là 7.920.000 (bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 10/10/2023, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 09/10/2023, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm qua

bưu điện (Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận đơn kháng cáo vào ngày 11/10/2023).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn bà **Vũ Nguyễn Diễm T** có bà **Lê Thị X** đại diện trình bày:

Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về mức tiền lương được Cấp sơ thẩm xác định để làm căn cứ tính số tiền buộc bị đơn phải bồi thường với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn không đồng ý đề nghị của bị đơn về việc hai bên hòa giải với số tiền Công ty thanh toán cho nguyên đơn là 140.000.000 đồng.

Người kháng cáo, bị đơn **Công ty TNHH P** có ông **Nguyễn Đức H** đại diện trình bày:

Theo Đơn kháng cáo ngày 10/10/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nay bị đơn xin rút một phần kháng cáo tại phiên tòa về việc **Công ty P** đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà **Vũ Nguyễn Diễm T** là trái pháp luật. Bị đơn chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về số tiền phải bồi thường do đơn phương trái pháp luật, đề nghị xem xét lại mức tiền lương được xác định làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại do đơn phương trái pháp luật, theo quy định đề nghị trừ đi các khoản phụ cấp ăn trưa 680.000 đồng, phụ cấp xăng 1.000.000 đồng, phụ cấp điện thoại 1.000.000 đồng, còn lại là 8.320.000 đồng (gồm lương chính 4.730.000 đồng và phụ cấp trách nhiệm là 3.590.000 đồng). Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị thanh toán cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần các yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Ngày 09/10/2023, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm qua bưu điện trong hạn luật định, bị đơn đã nhận thông báo tạm nộp án phí phúc thẩm và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng không nộp lại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tòa án. Tại phiên tòa ngày 28/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn mới nộp lại Biên lai này. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hoãn phiên tòa để bị đơn liên hệ Tòa án nhân dân quận Tân Bình làm thủ tục kháng cáo quá hạn. Ngày 24/4/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 41/2024/QĐ-PT với nội dung chấp nhận kháng cáo quá hạn của Công ty P. Do đó kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh theo lựa chọn Tòa án theo nơi cư trú của nguyên đơn là đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi Tòa án thụ lý giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương còn thiếu tháng 5,6/2020 của nguyên đơn không thể thực hiện do không phải lỗi của nguyên đơn, Cấp sơ thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu này là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ lao động: Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 có quan hệ lao động là có căn cứ.

[2.2] Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: Cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng lao động giữa hai bên là Hợp đồng lao động xác định thời hạn, người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019. Ngày 24/7/2020 bị

đơn đã ra quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động đối với nguyên đơn từ ngày 01/7/2020 vì lý do điều chuyển vị trí công tác của nguyên đơn ra Hà Nội nhưng nguyên đơn không đồng ý là không phù hợp với quy định đơn phương và bị đơn cũng không thực hiện đúng thời gian báo trước cho người lao động là 30 ngày theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Lao động năm 2019 là có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

[3.1] Về mức tiền lương làm căn cứ bồi thường, nhận thấy: Nguyên đơn kháng cáo cho rằng mức lương thực nhận hàng tháng của nguyên đơn là 130.000.000 đồng căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020. Theo đó Phụ lục này, nguyên đơn được nhận lương cơ bản là 11.000.000 đồng và phụ cấp là 119.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng mức lương được xác định theo hợp đồng lao động là 11.000.000 đồng, mức lương 130.000.000 đồng theo phụ lục là ký cho tương lai quy định phụ cấp chức vụ, tuy nhiên Chi nhánh không được được thành lập nên không có cơ sở chi trả phụ cấp. Do các bên đương sự có mâu thuẫn về mức tiền lương đã giao kết và thực hiện nên Cấp sơ thẩm xem xét và nhận định về mức tiền lương. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định tại Điều 403 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về phụ lục hợp đồng, Điều 22 của Bộ luật Lao động năm 2019 về phụ lục hợp đồng lao động để xem xét là có căn cứ.

[3.2] Căn cứ thỏa thuận của các đương sự tại Điều 3 của Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 giữa hai bên đã quy định mức lương của người lao động là 11.000.000 đồng một tháng, trong đó quy định cụ thể lương cứng và các khoản phụ cấp; Nội dung Phụ lục hợp đồng lao động số 01 không có thỏa thuận việc phụ lục sẽ thay thế thỏa thuận nào tại hợp đồng, nhận định mức lương 130.000.000 đồng một tháng như trong phụ lục số 01 là điều khoản trái với nội dung của điều khoản trong hợp đồng nên điều khoản này không có hiệu lực. Cấp sơ thẩm xác định mức lương để làm căn cứ tính tiền bồi thường theo Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 là 11.000.000 đồng/tháng là đúng quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương còn thiếu của tháng 5, 6/2020 là 148.750.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định mức lương của nguyên đơn là 11.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã chuyển trả cho nguyên đơn tiền lương là 13.750.000 đồng là đủ số tiền lương tháng 5, 6/2020 của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[3.4] Trên cơ sở xác định mức tiền lương là 11.000.000 đồng/tháng, Cấp sơ thẩm xác định bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản gồm: Tiền lương những ngày không được làm việc là 242.000.000 đồng và bồi thường 02

tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 22.000.000 đồng, tổng cộng là 264.000.000 đồng là đúng quy định.

[3.5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3.6] Đối với kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét lại mức tiền lương được xác định làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại do đơn phương trái pháp luật, đề nghị trừ đi các khoản phụ cấp ăn trưa 680.000 đồng, phụ cấp xăng 1.000.000 đồng, phụ cấp điện thoại 1.000.000 đồng, còn lại là 8.320.000 đồng (gồm lương chính 4.730.000 đồng và phụ cấp trách nhiệm là 3.590.000 đồng). Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 quy định về nội dung Hợp đồng lao động: “Đối với các chế độ và phúc lợi khác, như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật Lao động, tiền thưởng sáng kiến; Tiền ăn giữa ca; Các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; Hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác thì ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động theo khoản 11 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.”. Căn cứ nội dung Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020, hai bên đã tự nguyện thỏa thuận và xác định “tiền ăn trưa; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại” là phụ cấp ăn trưa, phụ cấp xăng, phụ cấp điện thoại tại điểm b Điều 3 của Hợp đồng lao động về tiền lương, không thỏa thuận ghi thành khoản riêng trong hợp đồng lao động. Do Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 là hợp đồng theo mẫu do người sử dụng lao động soạn thảo, căn cứ khoản 2 Điều 405 Bộ luật Dân sự 2015 “2. *Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.*”.

[3.7] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc tính lại mức tiền lương làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại do đơn phương trái pháp luật.

[4] Xét kháng cáo một phần bản án của bị đơn được rút tại phiên tòa về việc Công ty P đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà Vũ Nguyễn Diễm T là trái pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần kháng cáo được rút của bị đơn.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 12 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xác định nguyên đơn được

miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm; Bị đơn Công ty TNHH P phải nộp là 7.920.000 đồng là đúng quy định.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo, nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Người kháng cáo, bị đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Nguyễn Diễm T và kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH P. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 40/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo được bị đơn Công ty TNHH P rút tại phiên tòa về việc Công ty TNHH P đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà Vũ Nguyễn Diễm T là trái pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 36, Điều 39, Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 357, Điều 403, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Nguyễn Diễm T:

1.1. Xác định Công ty TNHH P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Vũ Nguyễn Diễm T. Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLĐ/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 giữa bà Vũ Nguyễn Diễm T và Công ty TNHH P hết hiệu lực và chấm dứt vào ngày 25/5/2022.

1.2. Buộc Công ty TNHH P thanh toán các khoản tiền bồi thường cho bà Vũ Nguyễn Diễm T, cụ thể như sau:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc 22 tháng theo Hợp đồng lao động đã ký là 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng;

- Bồi thường 2 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng;

Tổng số tiền bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 264.000.000 (hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Công ty TNHH P và bà Vũ Nguyễn Diễm T có trách nhiệm cùng nộp Bảo hiểm xã hội theo tỉ lệ của Luật bảo hiểm xã hội quy định. Tiền lương để tính mức đóng tiền Bảo hiểm xã hội được áp dụng là mức tiền lương theo Hợp đồng lao động số 524.2020/HĐLD/Pozaa-CN01 ngày 24/5/2020 giữa bà Vũ Nguyễn Diễm T và Công ty TNHH P được xác định theo quy định của cơ quan Bảo hiểm xã hội. Thời gian tính nộp bảo hiểm xã hội từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/5/2022. Các bên phải chịu lãi suất chậm nộp Bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả tiền lương còn thiếu của tháng 5, 6/2020 là 148.750.000 (một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng của nguyên đơn.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH P phải nộp là 7.920.000 (bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

4. Án phí lao động phúc thẩm:

- Người kháng cáo bà Vũ Nguyễn Diễm T được miễn án phí.

- Người kháng cáo Công ty TNHH P phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0023891 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Công ty TNHH P đã nộp đủ án phí lao động phúc thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Q.Tân Bình;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài